TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG** Bản án số: 58/2019/DS-ST Ngày: 22-11-2019 *V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Khương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Huỳnh Phước.

2/. Ông Hà Văn Châu.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Minh Thuận, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 22/11/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 168/2019/TLST-DS ngày 06/8/2019 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 173/2019/TLST-DS ngày 21/10/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ, địa chỉ: Số BN H, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Văn T, Giám đốc Phòng Giao dịch thành phố Sóc Trăng - Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ chi nhánh Sóc Trăng; địa chỉ nơi làm việc: Số SK đường NHP, Phường M, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (văn bản ủy quyền ngày 09/7/2019 - vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu H, địa chỉ: Số BS/MN Kênh CX, Khóm M, Phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 09/7/2019 của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (sau đây viết là Ngân hàng) thì:

Bà Nguyễn Thị Thu H có vay không có tài sản bảo đảm của Phòng Giao dịch thành phố Sóc Trăng - Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ chi nhánh Sóc Trăng số tiền 123.000.000 đồng theo 02 hợp đồng sau:

Hợp đồng tín dụng số 00742/2017/0001433 ngày 28/02/2017 (sau đây viết là Hợp đồng tín dụng số 1433): Vay 63.000.000 đồng trong thời hạn 60

tháng để tiêu dùng; lãi suất 11,8%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, hạn trả cuối cùng là ngày 28/02/2022.

Hợp đồng tín dụng số 00742/2017/0006692 ngày 31/8/2017 (sau đây viết là Hợp đồng tín dụng số 6692): Vay 60.000.000 đồng trong thời hạn 60 tháng để tiêu dùng; lãi suất 11,8%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, hạn trả cuối cùng là ngày 31/8/2022.

Sau khi vay, bà H chỉ trả được 25.750.000 đồng gốc, 12.606.245 đồng lãi trong hạn, 56.949 đồng lãi quá hạn của Hợp đồng tín dụng số 1433 và 17.000.000 đồng gốc, 8.714.785 đồng lãi trong hạn, 65.433 đồng lãi quá hạn của Hợp đồng tín dụng số 6692; Còn nợ Ngân hàng tổng cộng 87.566.455 đồng, gồm 80.250.000 đồng gốc, 5.803.589 đồng lãi trong hạn, 1.512.867 đồng lãi quá hạn, cụ thể:

+ Hợp đồng tín dụng số 1433: Còn nợ 40.209.022 đồng, gồm 37.250.000 đồng gốc và 2.959.022 đồng lãi (2.304.905 đồng lãi trong hạn, 654.118 đồng lãi quá hạn).

+ Hợp đồng tín dụng số 6692: Còn nợ 47.357.433 đồng, gồm 43.000.000 đồng gốc và 4.357.433 đồng lãi (3.498.684 đồng lãi trong hạn, 858.749 đồng lãi quá hạn).

Ngân hàng yêu cầu Toà án buộc bà Nguyễn Thị Thu H trả số tiền nêu trên và tiền lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận cho đến khi trả hết nợ.

Ngân hàng đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ gồm: Hợp đồng tín dụng số 00742/2017/0006692 ngày 28/02/2017, Bảng kê rút vốn/hợp đồng tín dụng cụ thể số 00742/2017/0006692 ngày 28/02/2017; Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 00742/2017/0006692 ngày 31/8/2017, Giấy đề nghị vay vốn ngày 22/8/2017.

- Những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự: Bị đơn không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu mà nguyên đơn đã trình bày và giao nộp cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền vay theo các Hợp đồng tín dụng số 1433, 6692 và bị đơn cư trú tại thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất

khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Theo các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và tài liệu do Ngân hàng cung cấp, căn cứ khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định:

[3.1] Bà Nguyễn Thị Thu H có vay không có tài sản bảo đảm của Phòng Giao dịch thành phố Sóc Trăng thuộc Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ chi nhánh Sóc Trăng theo hai hợp đồng sau:

[3.1.1] Hợp đồng tín dụng số 1433: Vay 63.000.000 đồng trong thời hạn 60 tháng để tiêu dùng; lãi suất 11,8%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; nợ gốc, lãi trả định kỳ vào ngày 10 hàng tháng, mỗi tháng trả 1.050.000 đồng gốc và tiền lãi theo dư nợ thực tế; hạn trả cuối cùng là ngày 28/02/2022.

[3.1.2] Hợp đồng tín dụng số 6692: Vay 60.000.000 đồng trong thời hạn 60 tháng để tiêu dùng; lãi suất 11,8%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; nợ gốc, lãi trả định kỳ vào ngày 10 hàng tháng, mỗi tháng trả 1.000.000 đồng gốc và tiền lãi theo dư nợ thực tế; hạn trả cuối cùng là ngày 31/8/2022.

[3.2] Quá trình thực hiện, bà H đã trả được 25.750.000 đồng gốc, 12.606.245 đồng lãi trong hạn, 56.949 đồng lãi quá hạn; còn nợ 37.250.000 đồng gốc, 2.959.022 đồng lãi (2.304.905 đồng lãi trong hạn, 654.118 đồng lãi quá hạn) của Hợp đồng tín dụng số 1433; Trả 17.000.000 đồng gốc, 8.714.785 đồng lãi trong hạn, 65.433 đồng lãi quá hạn; còn nợ 43.000.000 đồng gốc, 4.357.433 đồng lãi (3.498.684 đồng lãi trong hạn, 858.749 đồng lãi quá hạn) của Hợp đồng tín dụng số 6692. Bà H đã vi phạm trả gốc theo phân kỳ của hai Hợp đồng tín dụng này từ ngày 11/02/2019.

[3.3] Vào các ngày 01/9/2018, 19/9/2018, 19/12/2018 và 22/5/2019, Ngân hàng đã có văn bản thông báo yêu cầu bà H trả nợ theo thỏa thuận nhưng bà H vẫn không thực hiện. Tính đến ngày 22/11/2019, bà H còn nợ Ngân hàng tổng cộng 87.566.455 đồng, gồm 80.250.000 đồng gốc, 5.803.589 đồng lãi trong hạn, 1.512.867 đồng lãi quá hạn, cụ thể:

[3.3.1] Hợp đồng tín dụng số 1433: Còn nợ 40.209.022 đồng, gồm 37.250.000 đồng gốc và 2.959.022 đồng lãi (2.304.905 đồng lãi trong hạn, 654.118 đồng lãi quá hạn).

[3.3.2] Hợp đồng tín dụng số 6692: Còn nợ 47.357.433 đồng, gồm 43.000.000 đồng gốc và 4.357.433 đồng lãi (3.498.684 đồng lãi trong hạn, 858.749 đồng lãi quá hạn).

[4] Do bà H vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo phân kỳ thỏa thuận tại Điều 5 Hợp đồng tín dụng số 1433, tại trang 5 Hợp đồng tín dụng số 6692 và Điều 8, Điều 9 của Điều khoản và điều kiện vay kèm hai hợp đồng tín dụng này nên việc

Ngân hàng yêu cầu bà H trả số tiền vốn lãi còn nợ nêu trên là có căn cứ và phù hợp với quy định tại điểm c khoản 2 Điều 24, điểm đ khoản 1 Điều 25 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (đã được sửa đổi, bổ sung); Điều 21 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/201 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng.

[5] Từ những phân tích trên, đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu; Bị đơn phải chịu 4.378.323 đồng theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 (đã được sửa đổi, bổ sung) và Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/201 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ:

1/. Buộc bà Nguyễn Thị Thu H có trách trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ số tiền còn nợ tổng cộng là 87.566.455 đồng, gồm 80.250.000 đồng gốc, 5.803.589 đồng lãi trong hạn, 1.512.867 đồng lãi quá hạn đồng theo hai hợp đồng tín dụng sau:

+ Hợp đồng tín dụng số 00742/2017/0001433 ngày 28/02/2017: 37.250.000 đồng gốc, 2.959.022 đồng lãi (gồm 2.304.905 đồng lãi trong hạn, 654.118 đồng lãi quá hạn).

+ Hợp đồng tín dụng số 00742/2017/0006692 ngày 31/8/2017: 43.000.000 đồng gốc, 4.357.433 đồng lãi (gồm 3.498.684 đồng lãi trong hạn, 858.749 đồng lãi quá hạn).

Kể từ ngày 23/11/2019, bà Nguyễn Thị Thu H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà bà Nguyễn Thị Thu H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.

2/. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu 4.378.323 đồng.

Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ không phải chịu, trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.092.523 đồng theo biên lai số 0007672 ngày 24/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

3/. Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bà Nguyễn Thị Thu H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP. Sóc Trăng;
- Chi cục THADS TP. Sóc Trăng;
- TAND T. Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Vĩnh Khương